TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 490/2024/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 10 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 632/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Bà Mai Thị V, sinh năm 1988

Nơi thường trú: Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Trần Văn K, sinh năm 1986

Nơi thường trú: Khu phố Hương Phước, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị V và ông Trần Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị V và ông Trần Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Mai Thị V và ông Trần Văn K. Giao cháu Trần Mai Q. A, sinh ngày 26/7/2012 và cháu Trần M. A, sinh ngày 29/5/2006 cho bà Mai Thị V trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hàng tháng ông Trần Văn K cấp dưỡng cho mỗi con chung 2.000.000 đồng (hai

triệu đồng/tháng) kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, ông K vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông K có quyền thăm nom con chung; không ai được cản trở ông K thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Mai Thị V tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự hòa giải thành là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp tại biên lai thu số 0002740 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Mai Thị V đã nộp đủ án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Hướng